

Xuân Lộc, ngày 01 tháng 05 năm 2020

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản bị ảnh hưởng bởi Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành đoạn qua xã Xuân Hòa

Họ và tên người sử dụng đất: Bà Đặng Thị Phương Dung

Số định danh cá nhân/ 046176012390

Căn cước công dân:

Địa chỉ: ấp Xuân Tâm 4, xã Xuân Hòa, thành phố Đồng Nai

Số điện thoại: 0903030890

Vị trí đất thu hồi: Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp Trường Mầm non ấp 6 đến Hết chùa Quảng Long

Diện tích thu hồi: 565,2 m²

Loại đất thu hồi: Đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu năm

Nguồn gốc đất thu hồi:

Thửa đất số 138 (thửa đất số 773 bản đồ cũ xã Xuân Tâm) tờ bản đồ số 182 (tờ bản đồ cũ 32 xã Xuân Tâm) đã được UBND huyện Xuân Lộc cấp GCNQSDĐ số BB 898420 ngày 17/9/2010 cho bà Đặng Thị Phương Dung, mục đích sử dụng đất ONT+CLN. Đất hiện sử dụng ổn định không tranh chấp. Trong phạm vi thu hồi đất có công trình và vật kiến trúc xây dựng năm 2010

BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

1. ĐẤT ĐAI:

STT	Số thửa	Số tờ	ĐVT (m2)	Loại đất	Vị trí	Đơn giá	Số lượng	Tỷ lệ BT, hỗ trợ	Thành tiền	Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường (282)
1	138	182	m²	ONT	1	3.500.000	150,00	100%	525.000.000	
				CLN	1	530.000	415,20	100%	220.056.000	
Tổng đất đai:							565,2		745.056.000	

II. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

						căn cứ quy định bồi thường			
1	Hỗ trợ ổn định đời sống: (tỷ lệ % diện tích đất nông nghiệp thu hồi)					theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Khoản 1 điều 10 QĐ số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025			
	Thu hồi dưới 30% đất NN	Có di chuyển chỗ ở	không di chuyển chỗ ở	Số tháng hỗ trợ	Đơn giá 1kg gạo là 20.000 đồng x 30 kg	Số nhân khẩu	Hỗ trợ so với đơn giá	Thành tiền	Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường
	trên 30%		x	6	600.000	1	0,5	1.800.000	
Tổng chính sách hỗ trợ:								1.800.000	

III. NHÀ, VẬT KIẾN TRÚC

STT	Danh mục tài sản	Cấp hạng nhà	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Tỷ lệ BT, hỗ trợ	Thành tiền	Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường
1	Trụ bê tông cốt thép hàng rào cao 1,2 đến 2,2m		trụ	58.000	9,0	100%	522.000	
Tổng nhà, vật kiến trúc:							522.000	

IV. CÂY TRỒNG

STT	Tên cây trồng	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Tỷ lệ BT, hỗ trợ	Thành tiền	Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường
1	Lồng mức	đồng/cây	35.000	1	100%	35.000	
2	Keo lá tràm >25 cm	cây	172.153	1	100%	172.153	
3	Bàng >15-18 cm	cây	415.918	1	100%	415.918	
4	Keo lai >5-10 cm	cây	22.043	5	100%	110.215	
Tổng cây trồng, hoa màu:						733.286	
V. THƯỞNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỒI BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN						20.000.000	Khoản 4, điều 15 QĐ số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V):						768.111.286	

VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH, TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHI GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ, GIÁ BÁN NHÀ Ở TÁI ĐỊNH CƯ CHO NGƯỜI ĐƯỢC BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ HOẶC GIAO ĐẤT KHÁC CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN (NẾU CÓ): Không có

KHOẢN TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI TRỪ VÀO TIỀN BỒI THƯỜNG ĐẤT (NẾU CÓ): Xác định tại thời điểm chi trả tiền bồi thường trên cơ sở thông tin về nghĩa vụ tài chính do Thuế cơ sở 1 Tỉnh Đồng Nai xác định.

TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT PHẢI NỘP VÀO SỐ TIỀN ĐƯỢC BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT 768.111.286 đồng (NẾU CÓ):

SỐ TIỀN ĐƯỢC GHI NỢ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHI ĐƯỢC GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ (NẾU CÓ): Không có

Xuân Lộc, ngày 01 tháng 05 năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản bị ảnh hưởng bởi Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành đoạn qua xã Xuân Hòa

Họ và tên người sử dụng đất: Bà Đặng Thị Phương Dung

Số định danh cá nhân/
Căn cước công dân: 046176012390

Địa chỉ: ấp Xuân Tâm 4, xã Xuân Hòa, thành phố Đồng Nai

Số điện thoại: 0903030890

Vị trí đất thu hồi: Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp Trường Mầm non ấp 6 đến Hết chùa Quảng Long

Diện tích thu hồi: 565,2 m²

Loại đất thu hồi: Đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu năm

Nguồn gốc đất thu hồi: Thửa đất số 138 (thửa đất số 773 bản đồ cũ xã Xuân Tâm) từ bản đồ số 182 (từ bản đồ cũ 32 xã Xuân Tâm) đã được UBND huyện Xuân Lộc cấp GCNQSDĐ số BB 898420 ngày 17/9/2010 cho bà Đặng Thị Phương Dung, mục đích sử dụng đất ONT+CLN. Đất hiện sử dụng ổn định không tranh chấp. Trong phạm vi thu hồi đất có công trình và vật kiến trúc xây dựng năm 2010

BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

1. ĐẤT ĐAI:

STT	Số thửa	Số tờ	ĐVT (m2)	Loại đất	Vị trí	Đơn giá	Số lượng	Tỷ lệ BT, hỗ trợ	Thành tiền	Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường (282)
1	138	182	m²	ONT	1	3.500.000	150,00	100%	525.000.000	
				CLN	1	530.000	415,20	100%	220.056.000	
Tổng đất đai:							565,2		745.056.000	

II. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

						căn cứ quy định bồi thường			
1	Hỗ trợ ổn định đời sống: (tỷ lệ % diện tích đất nông nghiệp thu hồi)					theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Khoản 1 điều 10 QĐ số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025			
	Thu hồi dưới 30% đất NN	Có di chuyển chỗ ở	không di chuyển chỗ ở	Số tháng hỗ trợ	Đơn giá 1kg gạo là 20.000 đồng x 30 kg	Số nhân khẩu	Hỗ trợ so với đơn giá	Thành tiền	Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường
	trên 30%		x	6	600.000	1	0,5	1.800.000	
Tổng chính sách hỗ trợ:								1.800.000	

III. NHÀ, VẬT KIẾN TRÚC

STT	Danh mục tài sản	Cấp hạng nhà	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Tỷ lệ BT, hỗ trợ	Thành tiền	Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường
1	Trụ bê tông cốt thép hàng rào cao 1,2 đến 2,2m		trụ	58.000	9,0	100%	522.000	
Tổng nhà, vật kiến trúc:							522.000	

IV. CÂY TRỒNG

STT	Tên cây trồng	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Tỷ lệ BT, hỗ trợ	Thành tiền	Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường
1	Lồng mức	đồng/cây	35.000	1	100%	35.000	
2	Keo lá tràm >25 cm	cây	172.153	1	100%	172.153	
3	Bàng >15-18 cm	cây	415.918	1	100%	415.918	
4	Keo lai >5-10 cm	cây	22.043	5	100%	110.215	
Tổng cây trồng, hoa màu:						733.286	
V. THƯỜNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỒI BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN						20.000.000	Khoản 4, điều 15 QĐ số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V):						768.111.286	

VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH, TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHI GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ, GIÁ BÁN NHÀ Ở TÁI ĐỊNH CƯ CHO NGƯỜI ĐƯỢC BỎ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ HOẶC GIAO ĐẤT KHÁC CHO HỌ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN (NEU CO): Không có

KHOẢN TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI TRỪ VÀO TIỀN BÒI THƯỜNG ĐẤT (NEU CO): Xác định tại thời điểm chi trả tiền bồi thường trên cơ sở thông tin về nghĩa vụ tài chính do Thuế cơ sở 1 Tỉnh Đồng Nai xác định.

TỔNG SỐ TIỀN BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT PHẢI NỢP VÀO SỐ TIỀN ĐƯỢC BÒI THƯỜNG VỀ ĐẤT 768.111.286 đồng

(NEU CO):

SỐ TIỀN ĐƯỢC GHI NỢ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHI ĐƯỢC GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ (NEU CO): Không có